

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG NĂNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 10 - 01 - 2018 V/v: Tranh chấp
về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮKLẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sáu.
2. Ông Y D Juăn Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2017/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu S - Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông S vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, bà và ông S chung sống với nhau hòa thuận cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau. Do hiện nay giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa,

vì vậy bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông S.

Quá trình chung sống bà và ông S có 03 con chung là Nguyễn Hữu H (Sinh ngày 22/11/1993); Nguyễn Nhã Hiếu H1 (Sinh ngày 19/02/1997) và Nguyễn Nhã Anh X (Sinh ngày 27/02/2001). Đối với cháu H và cháu H1 đã trên 18 tuổi nên bà không đề cập Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con. Đối với cháu X, nếu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông S là vợ chồng thì bà nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà.

Về tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 28/11/2017, bị đơn ông Nguyễn Hữu S trình bày: Ông và bà D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện nay nếu bà D yêu cầu không công nhận ông và bà D là vợ, chồng thì ông chấp nhận. Quá trình chung sống ông với bà D có với nhau 03 con chung là Nguyễn Hữu H (Sinh ngày 22/11/1993); Nguyễn Nhã Hiếu H1 (Sinh ngày 19/02/1997) và Nguyễn Nhã Anh X (Sinh ngày 27/02/2001). Đối với cháu H và cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không đề cập Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với cháu X, nếu Tòa án không công nhận ông và bà D là vợ chồng thì ông đồng ý giao cho bà D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hữu S chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên bà D đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông S là vợ chồng. Như vậy, tranh chấp giữa bà D và ông S là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông S sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến năm 2013, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà D có yêu cầu

chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông S. Xét tình cảm giữa bà D và ông S không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận bà D và ông S là vợ, chồng.

- Về con chung: Bà D và ông S có 03 con chung là Nguyễn Hữu H (Sinh ngày

22/11/1993); Nguyễn Nhã Hiếu H1 (Sinh ngày 19/02/1997) và Nguyễn Nhã Anh X (Sinh ngày 27/02/2001). Đối với cháu H và cháu H1 đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra để xem xét về trách nhiệm nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Nhã Anh X, tại phiên tòa hôm nay bà D có yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu X và không yêu cầu ông S đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án ông S cũng đồng ý với yêu cầu của bà D về quyền và nghĩa vụ nuôi con. Xét thấy bà D có nguyện vọng được nuôi cháu X và theo ý kiến của cháu X tại bản tự khai ngày 30/11/2017 thì nguyện vọng của cháu là được sống cùng mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 15, khoản 1, khoản 2 điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX sẽ chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề nuôi con, giao cháu X cho bà D được quyền chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không buộc ông S đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà D.

- Về phân chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả bà D và ông S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 và khoản 2 điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hữu S là vợ, chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhã Anh X (Sinh ngày 27/02/2001) đến tuổi trưởng thành. Ông S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0002323 ngày 20/11/2017.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Bùi Ngọc San